

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 18 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 28 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2025
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 24 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND-KTNS ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Thông qua danh mục bổ sung 40 dự án cần thu hồi đất năm 2025 với tổng diện tích 25.671,92 ha để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung liên quan đến dự án, sự thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; đảm bảo đủ căn cứ, đúng đối tượng, tiêu chí, đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có tính khả thi thực hiện trong năm 2025; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề xuất danh mục dự án, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 24 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, PCTHĐND. 05.



Huỳnh Thị Hằng





DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kính đề nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kính phí bồi thường, hỗ trợ			Kính phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thành phố Đồng Xoài	89,25										
1	Khu đất thu hồi của Công ty CP Sách và Thiết bị trường học (Dự án chỉnh trang đô thị đường Trần Hưng Đạo)	0,16	SKC	Tân Phú								Công văn số 3530/UBND-KT ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh
2	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Bách Khoa (Trường Đại học Á Châu)	22,80	CLN	Tân Phú								Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng DT 753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	2,69	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	480.000	40.000			207.266		232.734	Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh

[illegible]

1	Cụm công nghiệp Hưng Chiến	75,00	CLN	Hưng Chiến	527.378				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Cụm công nghiệp Thanh Phú 2	75,00	CLN	Thanh Phú	506.753				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
IV	Thị xã Phước Long	73,80												
1	Khu dân cư Long Diễn	73,80	CLN, DGT và các loại đất khác	Long Phước					X				X	Công văn số 1620/UBND-TH ngày 14/4/2025 và số 2115/UBND-TH ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
V	Huyện Đồng Phú	7.828,67												
1	Khu công nghiệp Bình Phước	500,00	CLN	Đồng Tâm	2.054.000				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Cụm công nghiệp Tân Hưng	69,00	CLN	Tân Hưng	553.941				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
3	Cụm công nghiệp Tân Lập	40,00	CLN	Tân Lập	326.503				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

4	Nâng cấp, mở rộng DT 753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	149,37	ONT, CLN, RSX, DTL, DGT và các loại đất khác	Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa						X								Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh
5	Khu công nghiệp Đông Nam Đồng Phú	4.200,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Tân Lập, Tân Hòa						X								Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
6	Khu công nghiệp Nam Đồng Phú giai đoạn II	480,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Tân Lập, Tân Lợi						X								Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
7	Khu công nghiệp Nam Đồng Phú giai đoạn III	900,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Tân Lập, Tân Lợi						X								Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
8	Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú giai đoạn II	317,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Tiền Hưng, TP Đồng Xoài; TT Tân Phú, huyện Đồng Phú						X								Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
9	Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú giai đoạn III	400,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Tiền Hưng, TP Đồng Xoài; TT Tân Phú, huyện Đồng Phú						X								Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ

10	Khu dân cư Tân Tiến	95,30	CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Tiến					X			X	Công văn số 1620/UBND-TH ngày 14/4/2025 và số 2115/UBND-TH ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
11	Khu dân cư Suối Giải - thị trấn Tân Phú, Đồng Phú	285,00	CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Tiến, Tân Lập, Tân Phú					X			X	Công văn số 1620/UBND-TH ngày 14/4/2025 và số 2115/UBND-TH ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
12	Khu dân cư Tân Lập	393,00	CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Lập					X			X	Công văn số 1620/UBND-TH ngày 14/4/2025 và số 2115/UBND-TH ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
VI	Huyện Bù Gia Mập	75,00											
1	Cụm công nghiệp Đa Kìa	75,00	CLN	Đa Kìa	506.220				X			X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
VII	Huyện Phú Riềng	1.473,30											
1	Khu công nghiệp Long Tân	283,00	CLN	Long Tân	1.262.490				43.000			1.219.490	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

2	Khu công nghiệp Long Hà	524,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Long Hà					X				X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
3	Khu công nghiệp Phú Riêng	493,00	CLN, DGT, SON và các loại đất khác	Phú Riêng: 159 ha và Đồng Phú 334 ha					X				X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
4	Cụm công nghiệp Bù Nho	75,00	CLN	Bù Nho	353.454				75.000				278.454	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Khu dân cư Bù Nho	98,30	CLN, DGT và các loại đất khác	Bù Nho					X				X	Công văn số 1620/UBND-TH ngày 14/4/2025 và Công văn số 2115/UBND-TH ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
VIII	Huyện Hớn Quản	2.535,00												
1	Cụm công nghiệp Hưng Phú	75,00	CLN	Thanh Bình					X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2	Khu công nghiệp Đồng Nơ	500,00	CLN	Đồng Nơ, Tân Khai	2.047.796				X				X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

3	Khu công nghiệp Minh Đức	460,00	CLN	Minh Đức	2.046.432				X			X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
4	Khu công nghiệp Tân Khai	240,00	CLN	Tân Khai	1.184.073				X			X	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
5	Khu công nghiệp Tân Khai II	160,00	CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Khai					X			X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
6	Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II	300,00	RSX, DGT và các loại đất khác	Hón Quản					X			X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
7	Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II	800,00	RSX, DGT và các loại đất khác	Hón Quản					X			X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
IX	Huyện Bù Đăng	10.442,90											
1	Dự án chế biến, sản xuất Alumin Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển quặng và chế biến, sản xuất Alumin	299,90	CLN, HNK, ONT, DGT, RSX, SON	Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Thống Nhất, Đức Liệu	22.780.000				X			X	Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh

2	Dự án khai thác tuyển khoáng Bauxite Bình Phước thuộc tổ hợp khai thác Bauxite, tuyển khoáng và chế biến, sản xuất Alumin	10.143,00	CLN, HNK, NKH, NTS, DNL, MNC, ONT, DGT, RSX, SON	Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Thống Nhất, Đức Liễu, Phước Sơn, Đoàn Kết, Đồng Nai, Thọ Sơn, Phú Sơn	3.850.000														Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh	
X	Huyện Lộc Ninh	1.218,00																		
1	Khu công nghiệp Hoa Lư	348,00	RSX, DGT và các loại đất khác	Lộc Ninh							X								X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
2	Các khu công nghiệp trong phân khu công nghiệp trong Khu kinh tế	870,00	RSX, DGT và các loại đất khác	Lộc Ninh							X								X	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ
Tổng cộng		25.671,92																		

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

ODT: Đất ở tại đô thị

ONT: Đất ở nông thôn

SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

DGT: Đất giao thông

DTL: Đất thủy lợi

RSX: Đất rừng sản xuất